

Since
1906★

Đại học nữ sinh Sookmyung
Tuyển sinh sinh viên nước ngoài
hệ Cao học kỳ mùa Thu 2025

1. Lịch tuyển sinh
2. Khoa & chuyên ngành tuyển sinh
3. Đối tượng tuyển sinh
4. Thành phần hồ sơ đăng ký
5. Phí xét tuyển
6. Phương thức tuyển sinh
7. Tiêu chuẩn xét tuyển
8. Lưu ý cho thí sinh
9. Chế độ học bổng dành cho sinh viên nước ngoài
10. Ký túc xá

1

Lịch tuyển sinh

Phân loại	Nhập học tháng 9/2025		Điểm cần lưu ý
	Lần 1	Lần 2	
Đăng ký hồ sơ online	5/3/2025 10:00 ~ 12/3/2025 17:00	7/5/2025 10:00 ~ 14/5/2025 17:00	. Nộp hồ sơ tại website tiếng anh của trường Đại học Nữ sinh Sookmyung > Admission (http://e.sookmyung.ac.kr/) > Apply online
Hạn nộp phí xét tuyển	12/3/2025 17:00	14/5/2025 17:00	Bắt buộc phải nộp phí xét tuyển trong thời hạn quy định
Hạn nộp hồ sơ bản cứng	19/3/2025 16:00	21/5/2025 16:00	. Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (Không nhận hồ sơ qua email) . In đơn đăng ký đã nộp khi đăng ký online ra và gửi kèm các tài liệu được yêu cầu . Tất cả các giấy tờ trong hồ sơ phải được sắp xếp theo đúng thứ tự (tham khảo trang 6, mục 4. Thành phần hồ sơ đăng ký) [Địa chỉ nộp hồ sơ] Administration Building #203, Office of International Affairs (International Graduate Admissions Officer), Sookmyung Women's University, 100 Cheongpa-ro 47-gil, Yongsan-gu, Seoul, Korea, 04310
Hướng dẫn địa điểm thi	7/4/2025	9/6/2025	. Xem thông tin hướng dẫn tại website tiếng Anh của trường (http://e.sookmyung.ac.kr/)
Phòng vấn · Thi vấn đáp	<u>11/4/2025</u>	<u>13/6/2025</u>	. Đối với thí sinh phỏng vấn trực tiếp (offline), phải có mặt ở phòng chờ 30 phút trước giờ phỏng vấn . Mang theo phiếu dự thi và chứng minh thư. . Đối với thí sinh khối ngành nghệ thuật-năng khiếu, thi vấn đáp có thể tiến hành dưới hình thức đánh giá Portfolio, kiểm tra thực hành,... (nội dung chi tiết tham khảo trang 10~13).
Thông báo trúng tuyển	28/4/2025	27/6/2025	. Công bố qua website tiếng Anh của trường (http://e.sookmyung.ac.kr/)
Nộp học phí	Tháng 7/2025		. Lịch nộp và cách nộp học phí cụ thể sẽ được thông báo cùng lúc với kết quả trúng tuyển
Nộp hồ sơ xác nhận lãnh sự/ Apostille	Tháng 8/2025		. Hạn cuối nộp giấy tờ chứng minh học lực và Bảng điểm có xác nhận lãnh sự/Apostille sẽ được thông báo sau
Buổi hướng dẫn tân sinh viên (orientation)	Tháng 8/2025 (dự kiến)		Thời gian và địa điểm sẽ được thông báo sau
Khai giảng	Tháng 9/2025		

1. Thí sinh bắt buộc phải thực hiện bước nộp hồ sơ online (thông qua website tiếng Anh của trường).
2. **Hồ sơ phải được nộp đến trường trong thời hạn quy định (không nhận hồ sơ nộp qua e-mail).**
3. Việc đánh giá hồ sơ được thực hiện trong thời gian tuyển sinh tương ứng và không công bố kết quả đánh giá riêng lẻ. Trong trường hợp hồ sơ có tài liệu bị thiếu, nhà trường sẽ liên lạc với thí sinh nên cần chú ý ghi thông tin liên hệ chính xác.
4. Trong trường hợp thí sinh chưa nộp Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm cần xác nhận lãnh sự/Apostille trong thời hạn quy định, hạn cuối cùng là giữa tháng 8 năm 2025. Lưu ý, các hồ sơ không tuân thủ hạn nộp có thể bị loại do không đạt tiêu chuẩn ứng tuyển.

2 Khoa và chuyên ngành tuyển sinh

- Thí sinh đăng ký chương trình Thạc sĩ sẽ ứng tuyển theo khoa và lựa chọn chuyên ngành sau khi nhập học. Riêng các thí sinh đăng ký khoa Piano, khoa Giao hưởng, khoa Sáng tác nhạc và khoa Nghệ thuật tạo hình phải chọn chuyên ngành ngay khi nộp hồ sơ.
- Hệ Thạc sĩ-Tiến sĩ kết hợp chỉ tuyển sinh mới (không tiếp nhận sinh viên chuyển tiếp)

(1) Khối Xã hội Nhân văn

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D.	Hệ kết hợp MA/Ph.D	MA	Ph.D.	
Khoa Ngôn ngữ Văn học Hàn Quốc	Văn học cổ điển, Văn học hiện đại, Quốc ngữ học, Giáo dục quốc tế tiếng Hàn	○	○	○	○	○	
Khoa Lịch sử Văn hóa	Lịch sử Phương Đông, Lịch sử Phương Tây, Lịch sử Hàn Quốc	○	○	-	○	○	
Khoa Ngôn ngữ Văn hoá Pháp	Tiếng Pháp, Văn học Pháp	○	○	○	○	○	
Khoa Ngôn ngữ Văn học Trung Quốc	Văn học Trung Quốc, Ngôn ngữ Trung, Ngữ văn so sánh Hàn – Trung, Thông – biên dịch Hàn – Trung	○	○	○	○	○	
Khoa Ngôn ngữ Văn hoá Đức	Văn học Đức, Ngôn ngữ Đức	○	○	○	○	○	
Khoa Nhật Bản học	Nhật Bản học	○	-	-	○	-	
Khoa Thông tin thư viện	Thông tin thư viện, Quản lý thư viện	○	○	-	-	-	
Khoa Lịch sử Mỹ thuật	Lịch sử Mỹ thuật	○	○	○	○	○	
Khoa Ngôn ngữ Văn học Anh	<M.A> Văn học Anh, Ngôn ngữ Anh(bao gồm chương trình TESOL), Biên dịch <Ph.D> Văn học Anh, Ngôn ngữ Anh, Biên dịch, TESOL ※ Trong chương trình Thạc sĩ, bằng tốt nghiệp chỉ ghi "Ngôn ngữ Anh", không ghi rõ TESOL.	○	○	-	○	○	● (TESOL)
Khoa Văn hoá Du lịch	Kinh doanh du lịch, Kinh doanh văn hóa nghệ thuật; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	○	○	-	-	-	
Khoa Giáo dục	Xã hội học giáo dục · Hành chính giáo dục, Tư vấn giáo dục, Tâm lý giáo dục & Đo lường · Đánh giá, Giáo dục trọn đời, Công nghệ giáo dục	○	○	-	○	○	
Khoa Gia đình học	Gia đình học	○	○	-	○	○	
Khoa Phúc lợi trẻ em	Phúc lợi trẻ em · thanh thiếu niên, Trị liệu tâm lý trẻ em, Giáo dục và bồi dưỡng trẻ em	○	○	○	○	○	
Khoa Chính trị ngoại giao	Chính trị ngoại giao học	○	○	○	○	○	
Khoa Hành chính	Hành chính học	○	○	○	○	○	

Khoa Tâm lý học xã hội	Tâm lý học xã hội, Tâm lý học nhận thức, Tâm lý học pháp lý, Tâm lý học tội phạm,	☐	-	-	-	-	
Khoa Media	Media	☐	☐	-	☐	☐	
Khoa Quan hệ công chúng & Quảng cáo	Quan hệ công chúng (Public Relations, PR) & Quảng cáo	☐	☐	☐	☐	☐	
Khoa Luật	Luật học	☐	☐	☐	☐	☐	
Khoa Kinh tế	Kinh tế lý luận, Kinh tế ứng dụng, Lịch sử kinh tế, Kinh tế quốc tế	☐	☐	☐	-	-	
Khoa Kinh tế người tiêu dùng	Kinh tế người tiêu dùng	☐	-	-	☐	-	
Khoa Kinh doanh	Tổ chức · Nhân sự, Marketing, Kế toán, Quản lý vận hành sản xuất/MIS, Quản lý tài chính, Kinh doanh quốc tế/ Chiến lược quốc tế, Business Analytics (Phân tích dữ liệu kinh doanh)	☐	☐	☐	☐	☐	
Khoa Global Services	Hợp tác quốc tế, Khởi nghiệp kinh doanh quốc tế (Global Entrepreneurship)	☐	-	-	-	-	

(2) Khối Khoa học Tự nhiên (thí sinh phải liên lạc trước với giáo sư hướng dẫn và điền tên của giáo sư vào hồ sơ đăng ký)

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D	Hệ kết hợp MA/Ph.D	M.A	Ph.D	
Khoa Hoá học	Hoá học vô cơ và hóa học phân tích, Hoá học hữu cơ và hóa sinh, Vật lý hoá học	☐	☐	☐	-	☐	•
Khoa Sinh học hệ thống	Sinh học hệ thống	☐	☐	☐	☐	☐	•
Khoa Toán học	Toán học	☐	☐	☐	☐	☐	
Khoa Thống kê	Thống kê học	☐	☐	☐	☐	☐	
Khoa Thời trang	Thời trang học	☐	☐	☐	☐	☐	
Khoa Thực phẩm Dinh dưỡng	<M.A> Thực phẩm dinh dưỡng, Dinh dưỡng lâm sàng <Ph.D> Thực phẩm dinh dưỡng	☐	☐	☐	☐	☐	
Khoa Dược	Dược sinh học, Bảo chế thuốc, Dược lâm sàng Y tế và Xã hội	☐	☐	☐	-	-	•
Khoa Bảo chế thuốc		☐	☐	☐	-	-	•

(3) Khối Công nghệ (thí sinh phải liên lạc trước với giáo sư hướng dẫn và điền tên của giáo sư vào hồ sơ đăng ký)

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D	Hệ kết hợp MA/Ph.D	MA	Ph.D	
Kỹ thuật IT	Kỹ thuật IT	☐	☐	☐	☐	☐	
Công nghệ sinh hóa	Công nghệ sinh hóa	☐	☐	☐	☐	☐	•
Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	☐	☐	-	☐	-	
Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử	☐	☐	☐	☐	☐	
Hệ thống cơ khí	Kỹ thuật cơ khí	☐	☐	☐	☐	☐	•
Chế tạo phần mềm	Phần mềm tổng hợp	☐	-	-	☐	-	
Vật lý ứng dụng	Vật lý ứng dụng	☐	☐	☐	☐	☐	

(4) **Khối Năng khiếu** (Thí sinh nộp portfolio và video thực hành; vui lòng tham khảo trang 10~12)

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D	Hệ kết hợp MA/Ph.D	MA	Ph.D	
Piano	Biểu diễn, Đệm nhạc	○	○	—	○	—	
Giao hưởng	Bộ gió, bộ dây, bộ gõ	○	—	—	○	—	
Thanh nhạc	Thanh nhạc	○	○	—	—	—	
Sáng tác	Sáng tác, Lý luận âm nhạc, Chỉ huy (hợp xướng)	○	○	—	—	—	
Âm nhạc	Bộ gió, Bộ dây, Âm nhạc trị liệu	—	○	—	—	—	
Thiết kế đồ họa	Thiết kế đồ họa và hình ảnh	○	—	—	○	—	
Thiết kế công nghiệp	Thiết kế công nghiệp	○	—	—	○	—	
Thiết kế môi trường	Thiết kế kiến trúc, Thiết kế đô thị · cảnh quan · kiến trúc, Thiết kế nội thất	○	—	—	○	—	
Thiết kế	Thiết kế đồ họa và hình ảnh động, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế không gian môi trường	—	○	—	—	○	
Nghệ thuật tạo hình	Kim loại, Gốm, Sơn mài, Dệt may, Hội họa, Hội họa Hàn Quốc	○	○	○	○	○	
Khoa thể dục	Thể dục	○	○	○	○	○	
Múa	<M.A> Múa Hàn Quốc, Ballet, Múa hiện đại <Ph.D> Múa	○	○	○	○	○	

(5) **Chương trình liên khoa**

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D	Hệ kết hợp MA/Ph.D	MA	Ph.D	
Chính sách phát triển nhân lực	Chính sách phát triển nhân lực	○	○	○	○	○	
Đông Á học	Đông Á học	—	○	—	—	—	
Công nghiệp Thê hình	Công nghệ Thê hình ứng dụng, Công nghiệp mỹ phẩm và làm đẹp	—	○	—	—	○	
Phân tích tổng hợp Big Data	Phân tích tổng hợp Big Data	○	—	—	○	—	
Khí hậu, môi trường & năng lượng học	Khí hậu, môi trường & năng lượng học	○	○	○	○	○	
Giáo dục văn hóa nghệ thuật	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	—	○	—	—	○	

1. Nhập học mới

a) Quốc tịch

Nữ, người nước ngoài, có bố và mẹ đều là người nước ngoài

- Đối với trường hợp bố mẹ và thí sinh đổi quốc tịch Hàn Quốc sang quốc tịch nước ngoài, chỉ xét duyệt đối với các thí sinh đã mang quốc tịch nước ngoài trước khi nhập học Trung học phổ thông.
 - Người có quốc tịch kép trong đó có một quốc tịch Hàn Quốc không được đăng ký theo diện cho người nước ngoài.
 - Trong trường hợp chỉ có quan hệ gia đình với bố hoặc mẹ (gia đình bố/mẹ đơn thân), thí sinh được xét theo quốc tịch của người bố hoặc mẹ đó.
- ※ Nếu có vấn đề đặc biệt liên quan tới quan hệ gia đình và quốc tịch (ly hôn/ tái hôn/ chưa kết hôn/ từ vong/ mất tích/ nhận nuôi, vv...), thí sinh bắt buộc phải nộp các giấy tờ chứng minh liên quan.

b) Học lực

1) Chương trình Thạc sĩ / Chương trình Thạc sĩ – Tiến sĩ kết hợp

- Đã tốt nghiệp Cử nhân tại các trường chính quy trong và ngoài nước hoặc sắp lấy bằng vào tháng 8/2025
- Người có trình độ tương đương trở lên được pháp luật công nhận

2) Khóa Tiến sĩ

- Đã tốt nghiệp Thạc sĩ tại các trường chính quy trong và ngoài nước hoặc sắp lấy bằng vào tháng 8 năm 2024
- Người có trình độ tương đương trở lên được pháp luật công nhận
- Thí sinh ứng tuyển chuyên ngành Âm nhạc tri liệu Khoa Âm nhạc phải có trên 2 năm kinh nghiệm lâm sàng trong lĩnh vực Âm nhạc tri liệu.

c) Năng lực ngoại ngữ

- 1) Có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn TOPIK/TOPIK IBT từ cấp 3 trở lên (cấp 4 trở lên đối với ngành Phúc lợi trẻ em, ngành Đông Á học)
- 2) Các thí sinh ứng tuyển chuyên ngành học bằng tiếng Anh bao gồm khoa TESOL, khoa Hóa học, khoa Công nghệ Hóa sinh, khoa Hệ thống Cơ khí cần đạt TOEFL PBT 530, CBT 197, IBT 71, IELTS 5.5, New TEPS 327 trở lên hoặc có chứng chỉ năng lực tiếng được công nhận chính thức với điểm số tương đương
- 3) Chuyên ngành có hệ song ngữ (học bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh) bao gồm Khoa Sinh học hệ thống, Khoa Dược và Khoa Bào chế thuốc; thí sinh của các khoa trên phải đảm bảo đủ các điều kiện tốt nghiệp theo tiêu chuẩn của hệ tiếng mà bản thân đã lựa chọn khi nhập học
- 4) Thí sinh không có TOPIK/TOPIK IBT có thể đăng ký hệ học song song (chuyên ngành và tiếng Hàn).
- 5) Về những ngoại lệ khác, vui lòng tham khảo mục [7] Tiêu chuẩn xét tuyển (4) ~ (6), trang 13

2. Chuyển tiếp

Phân loại	Hệ Thạc sĩ	Hệ Tiến sĩ
Kỳ 2	Người đã (hoặc sắp) hoàn thành 1 học kì trở lên và lấy 6 tín chỉ chương trình Thạc sĩ của các <u>chuyên ngành, khối ngành tương ứng hoặc tương tự</u> tại các trường đại học trong và ngoài nước	Người đã (hoặc sắp) hoàn thành 1 học kì trở lên và lấy 9 tín chỉ chương trình Tiến sĩ của các <u>chuyên ngành, khối ngành tương ứng hoặc tương tự</u> tại các trường đại học trong và ngoài nước
Kỳ 3	Người đã (hoặc sắp) hoàn thành 2 học kì trở lên và lấy 12 tín chỉ chương trình Thạc sĩ của các <u>chuyên ngành, khối ngành tương ứng hoặc tương tự</u> tại các trường đại học trong và ngoài nước	Người đã (hoặc sắp) hoàn thành 2 học kì trở lên và lấy 18 tín chỉ chương trình Tiến sĩ của các <u>chuyên ngành, khối ngành tương ứng hoặc tương tự</u> tại các trường đại học trong và ngoài nước ※ Thí sinh ứng tuyển chuyên ngành Âm nhạc trị liệu Khoa Âm nhạc phải có trên 2 năm kinh nghiệm lâm sàng trong lĩnh vực Âm nhạc trị liệu

- Về việc có công nhận chuyên ngành, khối ngành tương ứng với hệ ứng tuyển hay không sẽ do hội đồng giám khảo thẩm định vào ngày phỏng vấn · thi vấn đáp.
 - Tùy theo môn học mà thí sinh ứng tuyển đã hoàn thành, kỳ học chuyển tiếp xét trên hồ sơ đăng ký và kỳ học chuyển tiếp thực tế khi được nhận vào trường có thể sẽ khác nhau.
- ※ Số tín chỉ được công nhận tối đa cho người học chuyển tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ là 9 tín chỉ (2 học kỳ), 12 tín chỉ (3 học kỳ) / tiến sĩ là 9 tín chỉ (2 học kỳ), 18 tín chỉ (3 học kỳ).

1. Thành phần bắt buộc

Thành phần bắt buộc	Ghi chú
Đơn xin nhập học	In ra sau khi đăng kí Online
Kế hoạch học tập và nghiên cứu	. Viết bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh theo [Mẫu 2]
Sơ yếu lý lịch (đối với chương trình Tiến sĩ)	. Viết bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh theo [Mẫu 2]
Phiếu đồng ý xác nhận học lực	. Viết bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh theo [Mẫu 3]
Bảng tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) (bắt buộc có xác nhận lãnh sự/Apostille, trừ trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học tại HQ) ※ Thí sinh tốt nghiệp đại học tại Trung Quốc tham khảo hồ sơ tại trang 9	◇ Thí sinh đăng kí hệ Thạc sĩ ① Giấy xác nhận (dự kiến) tốt nghiệp Đại học hoặc Bảng tốt nghiệp Đại học (1 bản) ② Bảng điểm toàn khoá Đại học (1 bản) ◇ Thí sinh đăng kí hệ Tiến sĩ ① Giấy xác nhận tốt nghiệp Đại học hoặc Bảng tốt nghiệp Đại học (1 bản), Bảng điểm toàn khóa đại học (1 bản) ② Giấy xác nhận (dự kiến) tốt nghiệp Thạc sĩ hoặc Bảng tốt nghiệp Thạc sĩ (1 bản), Bảng điểm toàn khóa Thạc sĩ (1 bản) ◇ <u>Thí sinh tốt nghiệp đại học tại nước ngoài lựa chọn 1 trong các cách sau đây:</u> ① Học bạ được chứng nhận Apostille tại quốc gia của trường học đó ② Học bạ được chứng nhận lãnh sự Hàn Quốc tại quốc gia của trường học đó ◇ <u>Lưu ý đối với bảng điểm toàn khóa</u> ① Nộp bảng điểm theo thang điểm 100. ② Nếu bảng điểm gốc không hiển thị điểm quy đổi trên thang điểm 100 hoặc không có thông tin về điểm trung bình, thí sinh phải nộp bảng điểm đã được quy đổi do trường theo học cấp. ③ Trong trường hợp không thể cấp bảng điểm quy đổi, truy cập trang web WES (www.wes.org) hoặc Foreign Credits (www.foreigncredits.com) để chuyển đổi thang điểm. ④ Sinh viên sắp tốt nghiệp phải nộp bảng điểm bao gồm thành tích cho đến kỳ học gần nhất. ⑤ <u>Thí sinh tốt nghiệp hệ học chuyển tiếp phải nộp cả bảng điểm của trường học trước khi chuyển tiếp.</u> ⑥ Hồ sơ bổ sung đối với thí sinh đăng ký <Học bổng Sinh viên trao đổi Sookmyung>: Đối với thí sinh là sinh viên trao đổi, cần nộp Giấy chứng nhận theo học (đối với sinh viên đang theo học) hoặc Bảng điểm (đối với sinh viên đã hoàn thành chương trình học)
Bảng điểm tất cả các năm học (có xác nhận lãnh sự/Apostille, trừ trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học tại HQ) ※ Thí sinh tốt nghiệp đại học tại Trung Quốc tham khảo hồ sơ tại trang 9	
Giấy chứng minh quốc tịch của thí sinh và bố mẹ thí sinh	Giấy khai sinh hoặc giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình, Bản sao công chứng tiếng Anh chứng minh thư hoặc hoặc bản sao hộ chiếu của thí sinh và bố mẹ thí sinh

2. Thành phần tùy chọn

Thành phần tùy chọn	Lưu ý
Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn	TOPIK/TOPIK IBT cấp 3 trở lên (TOPIK/TOPIK IBT cấp 4 trở lên đối với Khoa Phúc lợi trẻ em, Khoa Đông Á học) hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa tiếng Hàn cấp 4 trở lên tại Viện Giáo dục văn hóa ngôn ngữ quốc tế Sookmyung ※ Về những ngoại lệ khác, vui lòng tham khảo mục [7] Điều kiện tuyển sinh (4)~(6) trang 13.
Chứng chỉ năng lực tiếng Anh	Khoa TESOL, Hóa học, Công nghệ Hóa sinh, Hệ thống cơ khí yêu cầu TOEFL PBT 530, CBT 197, IBT 71, IELTS 5.5, New TEPS 327 trở lên hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh tương ứng được quốc gia công nhận ※ Về những ngoại lệ khác, vui lòng tham khảo mục [7] Điều kiện tuyển sinh (4)~(6) trang 13.
Thí sinh đăng ký hệ song ngữ	Chuyên ngành có đào tạo song ngữ (đào tạo bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh) bao gồm Khoa Sinh học hệ thống, Khoa Dược, Khoa Điều chế thuốc; thí sinh của các khoa trên phải đảm bảo thỏa mãn đủ các điều kiện tốt nghiệp theo tiêu chuẩn của hệ tiếng mà bản thân đã lựa chọn khi nhập học

Chứng minh thư người nước ngoài	Áp dụng với thí sinh nước ngoài sống tại Hàn Quốc
Hệ Thạc sĩ	Thí sinh khoa Sáng tác nhạc (chuyên ngành Sáng tác nhạc): 2 tác phẩm tự sáng tác Thí sinh khoa Mỹ thuật: portfolio Khối ngành Âm nhạc: [Mẫu 4] (chỉ các thí sinh thuộc diện tương ứng phải nộp)
Hệ Tiến sĩ	[Hồ sơ chung] - Các tài liệu liên quan chứng minh cho sơ yếu lý lịch (tiếng Hàn hoặc tiếng Anh) - Tóm tắt (abstract) khóa luận thạc sĩ (tiếng Hàn hoặc tiếng Anh) [Hồ sơ nộp bổ sung đối với khoa Sáng tác nhạc] - Chuyên ngành Sáng tác nhạc: nộp từ 2 tác phẩm trở lên - Chuyên ngành Lý luận: 1 luận văn [Thí sinh khoa Mỹ thuật] - Portfolio [Khối ngành Âm nhạc] [Mẫu 4] (chỉ các thí sinh thuộc diện tương ứng phải nộp)

3. Hồ sơ cho thí sinh hệ chuyển tiếp

Hệ Thạc sĩ	Hệ Tiến sĩ
① Giấy chứng nhận đang theo học hệ Thạc sĩ (1 bản) ② Bảng điểm khóa học Thạc sĩ (thang điểm 100) (1 bản) ③ Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học (1 bản) ④ Bảng điểm toàn khóa đại học (thang điểm 100) (1 bản) ⑤ Kế hoạch học tập và nghiên cứu (theo mẫu có sẵn) (1 bản) ⑥ Phiếu đồng ý xác minh học lực - hệ Thạc sĩ (theo mẫu có sẵn) (1 bản)	① Chứng nhận đang theo học hệ Tiến sĩ (1 bản) ② Bảng điểm khóa học Tiến sĩ (thang điểm 100) (1 bản) ③ Bảng tốt nghiệp Thạc sĩ (1 bản) ④ Bảng điểm khóa học Thạc sĩ (thang điểm 100) (1 bản) ⑤ Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học (1 bản) ⑥ Bảng điểm toàn khóa đại học (thang điểm 100) (1 bản) ⑦ Kế hoạch học tập và nghiên cứu (theo mẫu có sẵn) (1 bản) ⑧ Sơ yếu lý lịch (theo mẫu có sẵn) (1 bản) ⑨ Phiếu đồng ý xác minh học lực - hệ Tiến sĩ (theo mẫu có sẵn) (1 bản)

4. Lưu ý khi nộp hồ sơ

- a) Theo nguyên tắc, tất cả hồ sơ phải được nộp bản gốc.
- b) Đối với các giấy tờ không phải tiếng Anh hoặc tiếng Hàn, thí sinh bắt buộc phải nộp bản dịch công chứng.
- c) Hồ sơ nộp phải gồm đầy đủ, chính xác mọi thông tin yêu cầu và nộp đúng trong thời gian quy định.
- d) Trong trường hợp cần thiết, thí sinh có thể được yêu cầu bổ sung hồ sơ; thí sinh không hoàn thành hồ sơ theo yêu cầu có thể bị xét loại.
- e) Đối với thí sinh chuẩn bị tốt nghiệp, sau khi trúng tuyển sẽ phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp cho văn phòng Hợp tác Quốc tế.
- f) Thí sinh hệ chuyển tiếp đang trong thời gian bảo lưu có thể nộp Chứng nhận bảo lưu hoặc Chứng nhận hoàn thành khóa học thay cho Giấy chứng nhận đang theo học.
- g) Trong trường hợp tên thí sinh trên hồ sơ không khớp với trên giấy đăng kí, cần nộp kèm theo hồ sơ chứng minh.
- h) Toàn bộ hồ sơ đã nộp sẽ không được hoàn trả lại (kể cả khi không trúng tuyển).**

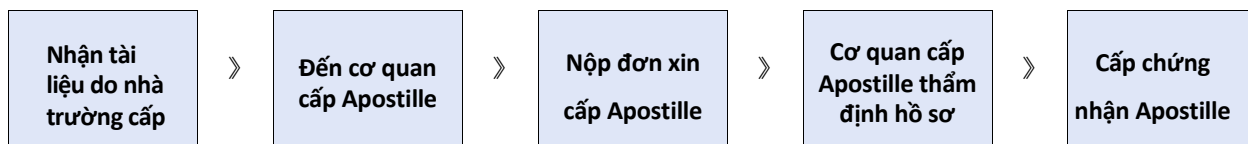
※ Hướng dẫn về chứng nhận lãnh sự & chứng nhận Apostille

1. Chứng nhận lãnh sự: Nộp hồ sơ đã được cấp chứng nhận lãnh sự từ lãnh sự quán/đại sứ quán Hàn Quốc tại quốc gia của trường đã theo học.

2. Chứng nhận Apostille

Nộp giấy chứng nhận Apostille do cơ quan chính phủ có thẩm quyền tại quốc gia của trường tốt nghiệp cuối cùng cấp.

a) Quy trình cấp chứng nhận Apostille



b) Chứng nhận Apostille

1) Cơ quan chứng nhận Apostille

- Bộ phận chứng nhận Apostille – Bộ Ngoại giao: 02-2100-7600
- Bộ phận chứng nhận Apostille – Bộ Pháp vụ: 02-720-8027
- Có thể tra cứu thông tin cập nhật mới nhất về cơ quan cấp Apostille theo từng quốc gia tại mục Apostille Section trên trang web của Công ước Hague về tư pháp quốc tế (Hague Conference on Private International Law) (<http://www.hcch.net>).

2) Danh sách các quốc gia thành viên Apostille (tính tới ngày 5/6/2024)

Khu vực	Quốc gia thành viên
Châu Á – Thái Bình Dương	Australia, Macau, Hong Kong, Japan, Korea, New Zealand, Brunei, Mongolia, Cook Islands, Fiji, India, Marshall Islands, Mauritius, Vanuatu, Samoa, Tonga, Niue, Tajikistan, Philippines, Singapore, Indonesia, China
Châu Âu	Albania, Austria, Belarus, Belgium, Bosnia and Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Kypros, Czech, Denmark, Estonia, Finland, France, Georgia, Germany, Malta, Greece, Hungary, Iceland, Ireland, Italy, Latvia, Lithuania, Luxemburg, Monaco, Montenegro, Netherland, Norway, Poland, Portugal, Russia, Romania, San Marino, Serbia, Slovakia, Slovenia, Spain, Sweden, Swiss, Turkey, Kyrgyzstan, Republic of Macedonia, Ukraine, Britain, Andorra, Armenia, Azerbaijan, Moldova, Liechtenstein, Kazakhstan, Uzbekistan, Kosovo
Bắc Mỹ	United States (bao gồm Gwam, Maury Island, Saipan, Puerto Rico), Canada
Trung Nam Mỹ	Argentina, Mexico, Panama, Suriname, Venezuela, Antigua and Barbuda, Bahamas, Barbados, Belize, Colombia, Commonwealth of Dominica, Dominican Republic, Ecuador, El Salvador, Granada, Honduras, Saint Vincent, Peru, Trinidad and Tobago, Saint Lucia, Saint Kitts and Nevis, Costa Rica, Uruguay, Nicaragua, Paraguay, Brazil, Chile, Guatemala, Bolivia, Guyana, Jamaica
Châu Phi, Trung Đông	Botswana, Burundi, Cabo Verde, Eswatini, Lesotho, Liberia, Malawi, Morocco, Namibia, Rwanda, São Tomé and Príncipe, Senegal, Seychelles, South Africa, Tunisia; Bahrain, Israel, Oman, Saudi Arabia

※ Hướng dẫn hồ sơ cho thí sinh theo học tốt nghiệp tại các trường đại học Trung Quốc

Hồ sơ	Thí sinh đã tốt nghiệp	Thí sinh dự kiến tốt nghiệp
1. Hồ sơ chứng minh bằng cấp & học lực	Nộp cả hai loại báo cáo xác minh bằng cấp và học lực từ CHSI (chsi.com.cn): 1) Báo cáo xác minh bằng cấp CHSI (bản tiếng Anh) - Online Verification Report of Higher Education Degree Certificate (1 bản) 2) Báo cáo xác minh học lực CHSI (bản tiếng Anh) - Online Verification Report of Higher Education Qualification Certificate (1 bản)	Nộp cả 2 loại tài liệu sau: 1. Báo cáo xác minh học bạ CHSI (bản tiếng Anh) - Online Verification Report of Student Record (1 bản) 2. Bản sao công chứng tiếng Anh của Giấy chứng nhận tốt nghiệp (dự kiến) (1 bản) ※ Trong khoảng thời gian sau khi tốt nghiệp và trước khi học kỳ bắt đầu, thí sinh bắt buộc phải nộp thêm các tài liệu xác minh bằng cấp và học lực từ CHSI. Trong trường hợp thí sinh không nộp bổ sung, kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy.
2. Bảng điểm	Nộp 1 trong 2 tài liệu sau: 1. Bản gốc Báo cáo xác minh bảng điểm từ CHSI 2. Bản gốc Bảng điểm có chứng nhận Apostille	Nộp bản gốc bản công chứng tiếng Anh của bảng điểm tính đến thời điểm nộp hồ sơ. ※ Sau khi tốt nghiệp, bắt buộc phải nộp bản gốc Báo cáo xác minh bảng điểm toàn khoá từ CHSI hoặc bảng điểm có chứng nhận Apostille.

Lưu ý

- Hồ sơ nộp khi đăng ký sẽ không được công nhận nếu không thể xác minh chứng thực trên trang web liên quan.
- Thời gian để được cấp giấy xác nhận là khoảng 30 ngày, cần chuẩn bị trước để đảm bảo nộp hồ sơ đúng hạn.

5 Phí xét tuyển

120,000 won (KRW) hoặc \$120 (USD)

※ Lệ phí xét tuyển đã bao gồm phí đăng ký trực tuyến 6,500 KRW.

※ Sau khi hoàn tất đăng ký, lệ phí xét tuyển không được hoàn trả (chỉ hoàn tiền trong trường hợp xét tuyển bị hủy do lý do từ phía nhà trường).

1. Yếu tố xét tuyển và phân bổ điểm

Phân loại	Phân bổ điểm cho từng phần		
	Đánh giá hồ sơ	Phỏng vấn · thi vấn đáp	Tổng
Nhập học mới/ học chuyển tiếp (ngoài chỉ tiêu)	50% (100 điểm)	50% (100 điểm)	100% (200 điểm)

- Quá trình đánh giá hồ sơ được tiến hành dựa trên các tài liệu thí sinh nộp, xem xét chuyên ngành, môn học đã hoàn thành, thành tích học tập tại trường thí sinh theo học trước đó,...
- Phỏng vấn · thi vấn đáp được tiến hành dựa trên kế hoạch học tập và nghiên cứu của ứng viên, đánh giá tổng hợp về kiến thức chuyên ngành, khả năng đọc hiểu ngoại ngữ, đam mê học thuật, kế hoạch nghiên cứu, kiểm tra thực hành và đánh giá portfolio (đối với các ngành nghệ thuật và thể thao), khả năng sử dụng tiếng Hàn,...
- Thí sinh tham khảo danh sách các khoa và chuyên ngành có yêu cầu đánh giá portfolio hoặc kiểm tra thực hành trong quá trình phỏng vấn được đính kèm bên dưới.
- Trường hợp thí sinh ở nước ngoài không thể trực tiếp đến thi phỏng vấn, phỏng vấn sẽ được thực hiện qua điện thoại hoặc gọi video.

2. Phần thi thực hành của khối ngành nghệ thuật

Phân loại	Khoa	Nhập học mới	Học chuyển tiếp	Trường hợp thí sinh không ở Hàn Quốc
Hệ Thạc sĩ	Khoa Piano (diễn tấu piano, đệm nhạc) Khoa Giao hưởng (bộ gió, bộ dây, bộ gỗ) Khoa Thanh nhạc	Thi thực hành	Thi thực hành	Nộp USB ghi lại bài test thực hành (không chấp nhận CD, VIDEO hoặc DVD)
	Khoa sáng tác (Chuyên ngành sáng tác)	- Lịch sử và lý thuyết âm nhạc phương Tây (thi vấn đáp) - Ít nhất 2 tác phẩm tự sáng tác	-	Thí sinh không ở Hàn Quốc vẫn có thể đăng ký
	Khoa sáng tác (Chuyên ngành lý luận)	- Lịch sử và lý thuyết âm nhạc phương Tây (thi vấn đáp) - Phân tích tác phẩm	-	
	Khoa sáng tác (Chuyên ngành chỉ huy - Hợp xướng)	Thi thực hành	-	
	Khoa Thiết kế đồ họa, Khoa Thiết kế công nghiệp, Khoa Thiết kế môi trường, Khoa Nghệ thuật tạo hình	Đánh giá Portfolio	Đánh giá Portfolio	Đánh giá Portfolio
Hệ Tiến sĩ	Khoa Piano	Thi thực hành	-	Nộp USB ghi lại bài test thực hành (không chấp nhận CD, VIDEO hoặc DVD)
	Khoa Âm nhạc (Bộ gió, Bộ dây)	Thi thực hành	-	Nộp USB ghi lại bài test thực hành (không chấp nhận CD, VIDEO hoặc DVD)
	Khoa Thanh nhạc	Thi thực hành	-	Nộp USB ghi lại bài test thực hành (không chấp nhận CD, VIDEO hoặc DVD)
	Khoa Sáng tác nhạc (Sáng tác nhạc)	- Lịch sử và lý thuyết âm nhạc phương Tây (thi vấn đáp) - 2 tác phẩm tự sáng tác trở lên	-	Thí sinh không ở Hàn Quốc vẫn có thể đăng ký
	Khoa Sáng tác nhạc (Lý luận)	- Lịch sử và lý thuyết âm nhạc phương Tây (thi vấn đáp) - 1 luận văn trở lên	-	
	Khoa Sáng tác nhạc (Chỉ huy - Hợp xướng)	Thi thực hành	-	
	Khoa Âm nhạc (âm nhạc trị liệu)	Thi viết luận (2 tiếng)	-	Phòng vấn qua điện thoại hoặc gọi video
	Khoa Thiết kế, khoa Nghệ thuật tạo hình	Đánh giá Portfolio	Đánh giá Portfolio	Đánh giá Portfolio

※ Kết quả đánh giá portfolio, thi thực hành, kiểm tra phân tích tác phẩm, kiểm tra lý luận âm nhạc, đánh giá tác phẩm của thí sinh, đánh giá luận văn của thí sinh, viết luận được tính vào điểm thi phỏng vấn + thi vấn đáp.

3. Hình thức thi thực hành và xét portfolio đối với khối năng khiếu nghệ thuật

a) Môn thi thực hành đối với khối ngành Âm nhạc

1) Hệ Thạc sĩ

Khoa/ Chuyên ngành			Nội dung
Khoa Piano	Piano		• Lựa chọn 1 bài trường phái lãng mạn hoặc hiện đại • Beethoven Sonata (tất cả các chương)
	Đệm đàn piano		• Độc tấu: 1) Chọn 1 bản Etude (không quan trọng nhà soạn nhạc) 2) Chương 1 trong 1 bản sonata cổ điển • Chọn 1 trong 2: khí nhạc (nhạc không lời) hoặc thanh nhạc (nhạc có lời) 1) Khí nhạc: Biểu diễn 1 chương sonata tiết tấu nhanh của 1 trong các nhà soạn nhạc sau: Mozart, Beethoven, Brahms, Faure, Frank, Grieg, Saint-Saëns, Schumann 2) Thanh nhạc: 1 bản nhạc Đức và 1 bản tự chọn (tổng 2 bài) • Thi thị tấu (bản nhạc dành cho phần thi thị tấu sẽ được phát vào ngày thi) ※ Thí sinh tự đưa người biểu diễn tới.
Khoa Giao hưởng			• Biểu diễn trọn vẹn tất cả các chương của 1 bản Concerto hoặc Sonata (bao gồm cadenza)
Khoa Thanh nhạc			• 1 ca khúc (chọn 1 bài tiếng Đức/Pháp /Anh/Italia) • 1 khúc aria trong opera
Khoa Sáng tác nhạc	Sáng tác		<Đối với thí sinh cư trú tại Hàn> • Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (thi vấn đáp) • Ít nhất 2 tác phẩm do thí sinh sáng tác <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video: Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây • Ít nhất 2 tác phẩm do thí sinh sáng tác
	Lý luận		<Đối với thí sinh cư trú tại Hàn> • Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (thi vấn đáp) • Bài phân tích tác phẩm <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video: Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây • Bài phân tích tác phẩm
	Chỉ huy	Hợp xướng	<Đối với thí sinh cư trú tại Hàn> • Thi thực hành (chỉ huy) * Người đệm đàn sẽ được Khoa bố trí trong ngày thi - “Worthy is the Lamb that was slain” trong G. F. Handel <Messiah> - “He watching over Israel” trong F. Mendelssohn <Elijah> • Thực hành piano (chọn 1 chương Sonata tiết tấu nhanh) • Thực hành thanh nhạc: hát 1 ca khúc tự chọn <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> 1. Phỏng vấn qua video 2. Nộp USB quay lại toàn bộ các bài thi thực hành sau (1) Thi thực hành (chỉ huy) - “Worthy is the Lamb that was slain” trong G. F. Handel <Messiah> - “He watching over Israel” trong F. Mendelssohn <Elijah> (2) Thực hành piano - 1 chương sonata tiết tấu nhanh (3) Thực hành thanh nhạc - 1 ca khúc tự chọn

2) Hệ tiến sĩ

Khoa/ Chuyên ngành		Nội dung
Piano	Piano	• Chơi 3 bản nhạc thuộc các thời đại khác nhau (60 phút, trong đó bắt buộc chơi 1 bản Sonata cổ điển)
Khoa Âm nhạc	Nhạc cụ bộ gió	• Chơi 4 bản nhạc thuộc các thời đại khác nhau (60 phút)
	Nhạc cụ bộ dây	• Chơi 4 bản nhạc thuộc các thời đại khác nhau (60 phút)
	Â m nhạc Trị liệu	<Đối với thí sinh cư trú trong nước> • Thi viết luận về âm nhạc trị liệu (2 tiếng) • Giấy chứng nhận kinh nghiệm (1 bản, <u>chỉ áp dụng cho thí sinh đăng ký chuyên ngành Âm nhạc trị liệu Khoa Âm nhạc</u>) <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video hoặc điện thoại • Giấy chứng nhận kinh nghiệm (1 bản, <u>chỉ áp dụng cho thí sinh đăng ký chuyên ngành Âm nhạc trị liệu Khoa Âm nhạc</u>)
	Thanh nhạc	• Biểu diễn tự do (30 phút) & Lecture (thuyết trình): thí sinh mang theo nộp danh sách bản nhạc sẽ biểu diễn trong ngày thi
Sáng tác	Sáng tác	<Đối với thí sinh cư trú tại Hàn> • Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (thi vấn đáp) • Ít nhất 2 tác phẩm do thí sinh sáng tác <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video: Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây • Ít nhất 2 tác phẩm do thí sinh sáng tác
	Lý luận	<Đối với thí sinh cư trú tại Hàn> • Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (thi vấn đáp) • Ít nhất 1 luận văn của thí sinh <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video: Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây • Ít nhất 1 luận văn của thí sinh
	Chỉ huy	Hợp xướng <Đối với thí sinh cư trú tại Hàn> 1. Thi thực hành (chỉ huy) - "Worthy is the Lamb that was slain" trong G. F. Handel <Messiah> - "He watching over Israel" trong F. Mendelssohn <Elijah> * Người đệm đàn sẽ được Khoa bố trí trong ngày thi 2. Thực hành piano - 1 chương sonata tiết tấu nhanh 3. Thực hành thanh nhạc - 1 ca khúc tự chọn <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> 1. Phỏng vấn qua video 2. Nộp USB quay lại toàn bộ các bài thi thực hành sau (1) Thi thực hành (chỉ huy) - "Worthy is the Lamb that was slain" trong G. F. Handel <Messiah> - "He watching over Israel" trong F. Mendelssohn <Elijah> * Người đệm đàn sẽ được Khoa bố trí trong ngày thi (2) Thực hành piano - 1 chương sonata tiết tấu nhanh (3) Thực hành thanh nhạc - 1 ca khúc tự chọn

b) Hình thức xét Portfolio khối ngành Mỹ thuật

1) Hệ Thạc sĩ

Khoa	Quy cách & Mẫu	Số tác phẩm	Nội dung
Thiết kế đồ họa	A3, B4, A4; chọn 1	5 tác phẩm trở lên	• 10 trang portfolio tiêu biểu
Thiết kế công nghiệp	A3, B4, A4; chọn 1	5 tác phẩm trở lên	• Trình bày các tác phẩm chính dưới dạng tài liệu hình ảnh.
Thiết kế môi trường	A3, B4; chọn 1	3 tác phẩm trở lên	• Trình bày các tác phẩm chính dưới dạng tài liệu hình ảnh. • (Bao gồm các tác phẩm thể hiện rõ năng lực thí sinh, vd. bản vẽ phối cảnh, 3D, v.v.)
Nghệ thuật tạo hình	A4	10 tác phẩm	• Thí sinh nộp hồ sơ trong một bìa hồ sơ trong suốt khổ A4 (bao gồm mô tả tác phẩm, đặc điểm, tiêu đề, chất liệu và kích cỡ). • Tuân thủ kích cỡ hồ sơ và số lượng tác phẩm quy định (hồ sơ không được bao gồm thông tin cá nhân, trừ thông tin ghi ngoài bìa hồ sơ).
- Đối với tác phẩm đồng sáng tác, cần ghi rõ phạm vi tham gia của từng đồng tác giả/người tham gia sáng tác. Nếu bị phát hiện đạo nhái hoặc sử dụng trái phép tác phẩm của người khác, dù đã trúng tuyển, kết quả nhập học của thí sinh vẫn có thể bị hủy bỏ.			

2) Hệ Tiến sĩ, hệ Thạc sĩ/Tiến sĩ kết hợp

Khoa	Quy cách & mẫu	Số tác phẩm	Nội dung
Thiết kế	Không giới hạn	Tối đa 10 tác phẩm chế tác trong vòng 5 năm trở lại	-
Nghệ thuật tạo hình	A4	20 tác phẩm	- Thí sinh nộp hồ sơ trong một bìa hồ sơ trong suốt khổ A4 (bao gồm mô tả tác phẩm, đặc điểm, tiêu đề, chất liệu và kích cỡ). - Tuân thủ kích cỡ hồ sơ và số lượng tác phẩm quy định (hồ sơ không được bao gồm thông tin cá nhân, trừ thông tin ghi ngoài bìa hồ sơ).

c) Đối với khoa Múa, khoa Thể chất, cả chương trình hệ Thạc sĩ và Tiến sĩ đều không có thi thực hành.

1. Trong trường hợp hội đồng khoa đánh giá các thí sinh ứng tuyển không đủ năng lực để trúng tuyển, khoa đó có thể sẽ không tuyển sinh.
2. Thí sinh vắng mặt buổi thi phòng vấn • vấn đáp sẽ bị xét trượt.
3. Theo nguyên tắc, thí sinh theo học hệ tiếng Hàn cần nộp chứng chỉ TOPIK cấp 3 trở lên.
Chương trình học theo hệ tiếng Anh (gồm TESOL, khoa Hóa học, khoa Công nghệ Hóa sinh, khoa Hệ thống cơ khí) yêu cầu TOEFL PBT 530, CBT 197, IBT 71, IELTS 5.5, New TEPS 327 trở lên hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh tương đương.
Đối với chuyên ngành có hệ song ngữ (học bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh; bao gồm Khoa Sinh học hệ thống, Khoa Dược và Khoa Bảo chế thuốc), thí sinh phải đảm bảo đủ các điều kiện tốt nghiệp theo tiêu chuẩn của hệ tiếng mà bản thân đã lựa chọn khi nhập học.
Các khoa có hỗ trợ học song song khoá tiếng Hàn và chương trình chuyên ngành (đối với cả các thí sinh không có TOPIK) bao gồm:
 - Hệ Thạc sĩ: Khoa Múa, Khoa Sáng tác nhạc, Khoa Nghệ thuật Tạo hình (Hội họa Hàn Quốc), Khoa Quản trị Kinh doanh (Kinh doanh/Chiến lược Quốc tế), Khoa Ngôn ngữ Văn học Trung (Ngữ văn học so sánh Hàn – Trung, Thông – Biên dịch Hàn – Trung)
 - Hệ Tiến sĩ: Khoa Múa, Khoa Sáng tác nhạc, Khoa thanh nhạc, Khoa Nghệ thuật Tạo hình (Hội họa Hàn Quốc), Khoa Quản trị Kinh doanh (Kinh doanh/Chiến lược Quốc tế), Khoa Ngôn ngữ Văn học Trung (Ngữ văn học so sánh Hàn – Trung, Thông – Biên dịch Hàn – Trung)
 - Thông tin chi tiết sẽ được thông báo riêng cho thí sinh khi nhập học.

Đối với những hạng mục ngoại lệ, thí sinh vui lòng tham khảo mục (4)~(6) dưới đây

※ **Yêu cầu TOPIK cấp 4 trở lên đối với Khoa Phúc lợi trẻ em, Khoa Đông Á học.**

4. Đối với các thí sinh không có đủ chứng chỉ năng lực tiếng Hàn như trên, trong trường hợp trúng tuyển phải nộp bổ sung chứng chỉ tiếng Hàn trước khi học kỳ bắt đầu; nếu không đạt điểm theo yêu cầu thì phải tạm thời bảo lưu cho đến khi đạt đủ điều kiện. Các thí sinh theo hệ tiếng Anh sẽ không được xét tuyển nếu không có đủ chứng chỉ năng lực tiếng Anh như tiêu chuẩn.
5. Thí sinh được học bổng Chính phủ Hàn Quốc hoặc học bổng chính phủ nước sở tại sẽ tuân theo tiêu chuẩn xét duyệt và quy định quản lý của cơ quan cấp học bổng.
6. Ngoài quy định tại mục (3)~(4), những thí sinh không có chứng chỉ ngoại ngữ nhưng được công nhận có năng lực ngôn ngữ tương đương theo các giấy tờ chứng minh khác vẫn có thể nộp hồ sơ.

<Hệ học bằng tiếng Hàn>

- (1) Người đã có hoặc dự kiến lấy bằng Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ tại Hàn Quốc
- (2) Người đã hoặc dự kiến tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Hàn tại các trường đại học, cao học nước ngoài
- (3) Người đã hoặc dự kiến hoàn thành khóa học tiếng Hàn cấp 4 trở lên tại Viện đào tạo ngôn ngữ quốc tế Sookmyung

<Hệ học bằng tiếng Anh>

- (4) Người mang quốc tịch các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức và đã tốt nghiệp Đại học/Cao học tại các quốc gia đó (chỉ áp dụng đối với thí sinh đăng ký khoa TESOL, Hóa học, Công nghệ Sinh hóa, Hệ thống cơ khí). Tuy nhiên, đối với các quốc gia có từ 2 ngôn ngữ chính thức trở lên (bao gồm tiếng Anh), thí sinh phải nộp tài liệu chứng minh rằng chương trình học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

Thí sinh đăng ký <Hệ học song ngữ> tuân thủ quy định về hồ sơ tương ứng với hệ ngôn ngữ của chương trình học bản thân lựa chọn.

※ Trước khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ TOPIK cấp 4 trở lên. Tuy nhiên, đối với khối ngành Năng khiếu • Nghệ thuật chỉ cần có chứng chỉ TOPIK cấp 3 trở lên. (Trừ các trường hợp đã nộp chứng chỉ tiếng Anh khi nhập học).

1. Sau khi nộp hồ sơ online, thí sinh có thể đến nộp hồ sơ gốc trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. Sau khi nộp online, thí sinh in đơn đăng kí ra và nộp kèm theo các hồ sơ khác.
2. Hồ sơ phải được gửi đến trường đúng thời hạn nộp. Tùy theo từng khoa có thể sẽ có hồ sơ bổ sung; thí sinh nộp các hồ sơ này vào ngày phỏng vấn.
3. Các hạng mục cần điền vào phiếu đăng kí tuyển sinh
 - (1) Tên tiếng Hàn/tên tiếng Anh
 - (2) **Tên khoa ứng tuyển/điểm GPA ở trường theo học trước đó tính theo thang điểm 100**
 - (3) Quốc tịch/ngày tháng năm sinh/số chứng minh thư người nước ngoài
 - (4) Quốc gia của trường đã tốt nghiệp/Tên trường/Tên khoa/Năm tốt nghiệp
 - (5) Địa chỉ/Số điện thoại nhà/Số điện thoại di động
 - (6) Quốc tịch của bố mẹ thí sinh/Số điện thoại/Địa chỉ
 - (7) Địa chỉ email/Skype ID của thí sinh
 - (8) Trình độ tiếng Hàn/điểm tiếng Anh của thí sinh
4. Thí sinh bắt buộc phải upload file ảnh màu khi đăng kí online. Cách upload ảnh:
 - Ảnh thẻ 3x4(cm) chụp không quá 3 tháng, không đội mũ, màu nền đơn sắc, chụp chính diện nửa thân trên
 - Định dạng file ảnh phải là JPG. Không sử dụng ảnh có độ phân giải quá thấp.
 - Ảnh upload lên sẽ được sử dụng để xác minh danh tính thí sinh, phát hành thẻ sinh viên sau khi nhập học, quản lý thông tin sinh viên v/v.
5. **Thí sinh bắt buộc phải điền thông tin liên lạc có thể liên hệ được trong suốt thời gian xét duyệt hồ sơ. Nhà trường không chịu trách nhiệm các trường hợp thí sinh gặp phải bất lợi do không thể liên lạc được.**
6. **Trường hợp phát hiện làm giả/chỉnh sửa trái phép giấy tờ, điền thông tin sai sự thật, không đủ tư cách ứng tuyển hoặc xét tuyển/nhập học bằng các phương thức gian lận, thí sinh sẽ bị hủy kết quả xét tuyển/nhập học.**
7. Theo nguyên tắc, hồ sơ tuyển sinh và phí xét tuyển sẽ không được hoàn trả.
8. Vào ngày thi, thí sinh phải mang theo phiếu dự thi, chứng minh thư (hộ chiếu hoặc chứng minh thư người nước ngoài) để xác minh danh tính.
9. Phải hoàn tất thủ tục vào phòng thi trước giờ thi 30 phút.
10. Trong tất cả các bài thi, thí sinh không được phép mang theo các thiết bị có thể gây cản trở quá trình thi như thiết bị liên lạc không dây (điện thoại di động,...) hay các thiết bị âm thanh (máy nghe nhạc CD, MP3,...).
11. Nhà trường sẽ tiến hành kiểm tra sức khỏe đối với các thí sinh đăng kí nhập học. Nếu phát hiện thí sinh có bệnh, tật gây ảnh hưởng đến việc học tập của bản thân thí sinh hoặc các sinh viên khác, nhà trường có thể sẽ có những bố trí phù hợp như tạo điều kiện cho thí sinh đăng kí bảo lưu, v/v.
12. Các hạng mục không được đề cập tại thông tin tuyển sinh này sẽ được thực hiện theo quy chế của trường. Thông tin tuyển sinh này được soạn ra bằng tiếng Hàn và dịch ra các ngôn ngữ khác. Nếu phát sinh mâu thuẫn về mặt ý nghĩa giữa các tài liệu tuyển sinh, ưu tiên xem xét theo bản gốc tiếng Hàn.

13. Trong trường hợp thí sinh đăng ký chuyên ngành học lên khác với chuyên ngành theo học ở bậc học trước đó, sau khi nhập học thí sinh sẽ phải học bổ sung tín chỉ. Cụ thể, học viên hệ Thạc sĩ phải học bổ sung tối đa 15 tín chỉ chuyên ngành hệ Cử nhân, học viên hệ Tiến sĩ phải học bổ sung riêng các môn chuyên ngành hệ Thạc sĩ.

Tuy nhiên, nếu văn phòng khoa mà thí sinh ứng tuyển chấp nhận chuyển điểm cho các môn mà thí sinh đã học tại bậc học trước đó thì có thể miễn giảm một số môn học bổ sung. Thí sinh liên hệ phòng Học vụ hệ cao học (02-2077-7928) để được giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến môn học bổ sung.

14. Trong trường hợp thí sinh có (hoặc dự kiến sẽ lấy) từ 2 văn bằng trở lên ở bậc học trước đó, thí sinh bắt buộc phải chọn 1 văn bằng có lợi nhất cho quá trình xét tuyển và dùng thông tin, giấy tờ liên quan tới văn bằng đó để làm hồ sơ xét tuyển (không thể thay đổi sau khi đăng ký.)

15. Trong trường hợp do không ở Hàn Quốc nên phải nộp video thay thế cho bài kiểm tra thực hành, thí sinh thuộc các khoa liên quan (Thạc sĩ: Khoa Piano, Khoa Giao hưởng, Khoa Thanh nhạc, Khoa Sáng tác nhạc / Tiến sĩ: Khoa Thanh nhạc, Khoa Âm nhạc, Khoa Sáng tác nhạc) phải kiểm tra kỹ lưỡng xem video có phát được hình ảnh và âm thanh bình thường không trước khi nộp. Mọi bất lợi xảy ra do lỗi video hoặc không thể phát video sẽ do thí sinh chịu trách nhiệm.

◇ Địa chỉ nộp hồ sơ và giải đáp thắc mắc cho thí sinh nước ngoài

- Địa chỉ 100 Cheongpa-ro 47-gil, Yongsan-gu, Seoul, Korea, 04310
Administration Building #203, Office of International Affairs, Sookmyung Women's University
- Số điện thoại +82-2-710-9284/9817 (Cao học)
- Thư điện tử admission@sookmyung.ac.kr
- Trang chủ <http://e.sookmyung.ac.kr>

9

Chế độ học bổng dành cho sinh viên nước ngoài

1. Học bổng nhập học (học kì đầu tiên) – học bổng Nhân tài quốc tế

Loại học bổng	Nội dung học bổng	TOPIK	Trung tâm ngoại ngữ của trường	TOEFL (iBT)	IELTS
A	Miễn học phí 70%	Cấp 6	-	110 trở lên	8.0 trở lên
B	Miễn học phí 50%	Cấp 5	Hoàn thành lớp cấp 6	100~109	7.0~7.5
C	Miễn học phí 40%	Cấp 4	Hoàn thành lớp cấp 5	80~99	6.0~6.5
D	Miễn học phí 30%	Cấp 3	Hoàn thành lớp cấp 4	60~79	5.5

a) Điều kiện nhận học bổng: Sinh viên có bố mẹ đều là người nước ngoài và nhập học theo diện người nước ngoài, được nhà trường xét chọn trao học bổng Nhân tài quốc tế

b) Hạng mục đánh giá: Thành tích ngoại ngữ (100%)

c) Hướng dẫn

- ① Học bổng nhập học được tự động xét duyệt và trao cho thí sinh, không cần đăng ký. Thí sinh có thể nhận <Học bổng Cựu sinh viên Sookmyung> và <Học bổng Sinh viên trao đổi Sookmyung> đồng thời với học bổng Nhân tài quốc tế, tuy nhiên nếu đạt cùng lúc 2 học bổng thì phí nhập học chỉ được miễn 1 lần.
- ② Thí sinh có thể xác nhận thông tin về học bổng của bản thân khi có thông báo trúng tuyển.

- ③ Phí nhập học, tiền học phí có thể thay đổi theo kỳ học và chuyên ngành tương ứng.
- ④ Thông qua xét duyệt, thí sinh trúng tuyển có thể được hỗ trợ thêm học bổng ký túc xá hoặc tiền vé máy bay.
- ⑤ Nếu thí sinh đăng ký hệ tiếng Anh là người bản ngữ, người có quốc tịch của quốc gia nói tiếng Anh và có bằng cấp (hoặc dự kiến lấy bằng) tại quốc gia đó, nếu không nộp riêng chứng chỉ ngoại ngữ, năng lực ngôn ngữ của thí sinh sẽ tự động được tính tương đương với TOEFL 100~109. Tuy nhiên, với những quốc gia có 2 ngôn ngữ chính thức trở lên bao gồm tiếng Anh, thí sinh cần nộp tài liệu chứng minh rằng chương trình học trước đó được tiến hành bằng tiếng Anh.
- ⑥ Đối với thí sinh (dự kiến) đạt học vị cử nhân, thạc sĩ hoặc tiến sĩ tại Hàn Quốc, thí sinh (dự kiến) tốt nghiệp khoa tiếng Hàn tại đại học hoặc cao học ở nước ngoài, nếu không nộp riêng chứng chỉ ngoại ngữ, năng lực ngôn ngữ của thí sinh sẽ tự động được tính tương đương với TOPIK cấp 4.

2. Học bổng nhập học (học kì đầu tiên) – Học bổng Cựu sinh viên Sookmyung

- Đối tượng: Sinh viên (dự kiến) tốt nghiệp tại Sookmyung
- Nội dung học bổng: Miễn phí nhập học

3. Học bổng nhập học (học kì đầu tiên) – Học bổng Sinh viên trao đổi tại Sookmyung

- Đối tượng: Sinh viên (dự kiến hoặc đã) hoàn thành chương trình trao đổi sinh viên tại Sookmyung
- Nội dung học bổng: Miễn phí nhập học

4. Học bổng khi đang theo học (Học kỳ chính quy: Thạc sĩ 4 kỳ, Tiến sĩ 4 kỳ)

a. Xét theo tiêu chuẩn của trường đối với học bổng cho sinh viên nước ngoài đang theo học

Thành tích học kì trước	Học bổng
4.0 - 4.3	Miễn giảm 50% học phí
3.7 - 4.0	Miễn giảm 30% học phí
3.5 - 3.7	Miễn giảm 20% học phí

※ Sinh viên không cần đăng ký, học bổng sẽ tự động được xét dựa theo điểm học của học kỳ trước đó

b. Đối với sinh viên có luận văn được đăng trên tạp chí chuyên môn quốc tế (sinh viên là tác giả chính, giáo sư chủ nhiệm là tác giả liên hệ), trong vòng 6 tháng sau khi luận văn được đăng tải, nếu sinh viên đăng ký xét duyệt thì có thể được cấp học bổng 100% học phí. Tuy nhiên, sinh viên phải tự đăng ký bằng cách gửi email cho văn phòng quản lý du học sinh (studyabroad@sm.ac.kr) trong thời hạn quy định thì mới được xét duyệt.

c. Quy định tiêu chuẩn cấp học bổng trong quá trình theo học

- ① Chỉ những sinh viên tích lũy từ 6 tín chỉ trở lên (không bao gồm môn xét điểm P/F) trong 1 học kỳ mới đủ tiêu chuẩn xét duyệt học bổng
- ② Chỉ cấp cho các học kỳ chính quy (Thạc sĩ 4 kỳ, Tiến sĩ 4 kỳ)
- ③ Kết quả môn học bổ sung không được tính vào điểm xét học bổng.
(※ Trường hợp sinh viên chỉ đăng ký học các môn bổ sung sẽ không có bảng điểm, do đó không đủ điều kiện nhận học bổng thành tích.)
- ④ Thang điểm chuẩn là 4.3, điểm được tính theo thành tích học kỳ trước đó.
- ⑤ Chỉ những sinh viên tham gia bảo hiểm y tế mới được cấp học bổng.
- ⑥ Các thông tin chi tiết khác được chiếu theo quy định về học bổng của trường.

1. Tư cách đăng ký: Sinh viên nước ngoài nhập học mới có bố mẹ là người nước ngoài
 2. Cách thức đăng ký: Đăng ký online trên trang chủ của trường (Hướng dẫn cụ thể khi có thông báo trúng tuyển)
 3. Thời gian đăng ký (dự kiến): Tháng 1 (nhập học kỳ Xuân), tháng 8 (nhập học kỳ Thu) hàng năm (Hướng dẫn cụ thể khi có thông báo trúng tuyển)
 4. Chi phí ký túc xá (1 học kỳ, 4 tháng): Sẽ có thông báo riêng về chi phí ký túc xá.
Chi phí thay đổi theo từng loại phòng ký túc xá. Trường hợp sinh viên có nhu cầu lưu trú trong kỳ nghỉ, phải đăng kí riêng và nộp thêm chi phí.
 5. Liên hệ: +82-2-6325-3100 / inhouse@sookmyung.ac.kr /
<http://e.sookmyung.ac.kr> → Life on Campus → Housing
- ※ Nếu số lượng người đăng ký vượt quá số phòng và sinh viên không được bố trí phòng, sinh viên phải tự tìm chỗ ở bên ngoài.
- ※ Nội dung trên có thể thay đổi; thí sinh cần kiểm tra trang web ký túc xá tại thời điểm đăng ký để cập nhật thông tin mới nhất.

제출서류 목록 확인 Documents Self-Check list

1. 학업계획서 Study Plan	☐	10. 성적인증보고서(Transcript) Credential Reports(Institutions in China only)	☐
2. 학사졸업(예정)증명서 Certificate of graduation(BA)	☐	11. 어학증명서(한국어/영어) Language Certificate (Eng or Kor)	☐
3. 학사학위증 Degree of BA	☐	12. 가족관계증명서 Family Relationship Certificate	☐
4. 학사 성적증명서 Transcript(BA)	☐	13. 부/모 신분증 사본 Passport copies of Father / Mother	☐
5. 석사 졸업(예정)증명서 Certificate of graduation(MA)	☐	14. 입학지원서 하단 본인자필 서명 Signature at the bottom of the application page	☐
6. 석사 학위증 Degree of MA	☐	15. [박사] 이력서 Resume (KOR or Eng) [박사] 석사논문 초록 Abstract (Kor or Eng)	☐ ☐
7. 석사 성적 증명서 Transcript(MA)	☐	16. 지도교수 성명 (*자연과학계와 공학계 해당) Professor in charge: Natural Science & Engineering	☐
8. 학력조회동의서 Academic Record Check Agreement	☐	17. 예체능계 포트폴리오 또는 실기USB : 학과마다 상이 (pg. 9-10 참조) Arts and Physical Education applicants Portfolio and Peformance USB (Refer pg. 9-10)	☐
9. 학위인증보고서(Degree) 1) Online Verification Report of Higher Education Degree Certificate 2) Online Verification Report of Higher Education Qualification Certificate * Institutions in China Only	☐	18. 어학성적표 *선택사항 Certificate of Language Proficiency *Optional (Korean or English)	☐
서류접수일 Documents submission Date	YYYYMMDD		
SKYPE ID (해외거주자의 경우 필수) If you are residing out of Korea			

우리대학은 수집한 개인정보(성명, 주민등록번호, 전화번호, 이메일 주소 등)를 개인정보보호법에 따라 입학전형 목적 이외의 용도로 사용하지 않습니다.

Our university does not use personal information collected (name, resident registration number, phone number, email address, etc.) for purposes other than admission purposes in accordance with the Personal Information Protection Act. 단, 합격하여 최종 등록한 자의 개인정보는 입학 후 학력조회 및 자격조회, 우리대학의 학적부 생성, 학생증 발급 및 재학 기간 중의 교육 과정 등을 위한 자료로 활용합니다.

However, personal information of those who have passed and registered is used as data for the examination and qualification of their academic records after admission, the creation of the academic records of our university, the issuance of student certificates and curriculum during your study period.

본인은 상기 내용에 대한 개인정보 활용에 동의합니다. ☐

I agree to the use of personal information about the above information.

Application Form: Sookmyung Women’s University Graduate School

20__학년도 __ 정원의 부모모두 외국인인 외국인 입학전형			수험번호 (Application No.)		
성명(Name)	Korean				Photo (3*4)
	English (Name on Passport)	(Surname)	(Given Name)		
지원학과(Department)	(Please fill out exact name on the guideline)				
지원전공(Major)	(Please fill out exact name on the guideline)				
과정(MA/Ph.D./Combined)					
입학구분(Freshwoman /Transfer)					
생년월일(Date of Birth)	(Day)	(Month)	(Year)		
국적(Nationality)	지원자(Applicant)	아버지(Father)		어머니(Mother)	
TOPIK 공인어학능력점수 (Official Language Test Results)	Level () 유효기간(Valid until) 년 월 일	English 공인어학능력점수 : English (Official Language Test Results)		Test name: Level() Valid until: YYYYMMDD	
	외국인등록번호 (Alien Registration No.)	(Card Holders Only)	E-Mail		
휴대폰번호(Cellphone No.)		Skype I.D. (해외거주자의 경우 필수) (Mandatory for oversea applicants)			
국적(Nationality)	지원자(Applicant)	아버지(Father)		어머니(Mother)	
주소(Address)					
보호자 연락처 (Emergency Contact information)	Email:		Cellphone number: (Korea if you have) :		
학 력	학사(Bachelor’s)	Name of University (Official English Name)			
		Major		GPA	/100
		Date of Admission	(Day/Month/Year)	Date of Graduation	(Day/Month/Year)
	석사(Master’s)	Name of University (Official English name)			
		Major		GPA	/100
		Date of Admission	(Day/Month/Year)	Date of Graduation	(Day/Month/Year)
	박사(Ph.D.)	Name of University (Official English Name)			
		Major		GPA	/100
Date of Admission		(Day/Month/Year)	Date of Graduation	(Day/Month/Year)	

I certify that the information given in this application is complete and accurate.

본인은 상기 기재내용이 사실과 다르지 않음을 서약합니다.

(Date/작성일)

Applicant(지원자)_____ (Signature)



숙명여자대학교 일반대학원

학업 및 연구 계획서

◆ 석사학위과정 ◆

수험번호	※ 기재하지 않습니다.	성명	
학과		전공	

1. 자기소개	
2. 진학동기	
3. 연구관심분야	

위와 같이 학업 및 연구계획서를 제출합니다.

20 년 월 일
지원자 (인)

숙명여자대학교 총장 귀하

숙명여자대학교 일반대학원

학업 및 연구 계획서

◆ 석·박사통합과정, 박사학위과정 ◆

수험번호		성명	
학과	※기재하지 않습니다.	전공	

1. 자기소개	
2. 진학동기	
3. 연구논문제목	
4. 연구의 목적 및 필요성	
5. 연구방법	
6. 연구일정	

위와 같이 학업 및 연구계획서를 제출합니다.

년 월 일

지원자 (인)

숙명여자대학교 총장 귀하

숙명여자대학교 일반대학원

박사과정 지원자 이력서

수험번호		성 명	
학 과		세부전공	

1. 학력사항

구분	기간	학교	학과	학위명
학사	~			
석사	~			

2. 경력사항

기간	근무기관	담당업무	직위	증빙여부 (V)
~				
~				
~				
~				

3. 연구실적

연구자명	발표논문(연구)제목	발표(게재)지	발표(게재)년월일	증빙여부 (V)

위 내용은 사실과 같음을 확인합니다.

년 월 일

지원자 (인)

숙명여자대학교 총 장 귀하

[서식 3]학력조회동의서 양식
※ 한국어 또는 영어로 작성하며 반드시 자필서명 합니다. Please fill the form in Korean or English, do not forget sign it.

학력조회동의서

Academic Record Check Agreement

이 양식에 서명함에 따라 본인이 이수한 학력/학위과정에 대하여 진위를 조회할 수 있도록 숙명여자대학교에 권한을 부여하며 학력조회에 동의합니다.

By signing this form, I am giving my agreement and hereby authorize Sookmyung Women's University to verify my degree/enrollment records.

Applicant Information 지원자 정보	
School Name 학교명	
Name of Applicant 지원자성명	_____, _____ (Family Name, 성) (Given Name, 이름)
Academic Background 학력 / 취득학위	☐ 고등학교 졸업 High School Graduate ☐ 학사 Bachelor ☐ 석사 Master
Major Course of Study 학과/전공	
Student ID Number 학번	
Date of birth 생년월일	____년 (YYYY) / ____월 (/MM) / ____일/(DD)
Date of admission(transfer from another school) 입학 일자	____년 (YYYY) / ____월 (/MM) / ____일/(DD)
Date of graduation(transfer to another school) 졸업 일자	____년 (YYYY) / ____월 (/MM) / ____일/(DD)
Signature of Subject, Date 지원자 서명 및 작성일자	
_____지원자 서명(Signature of Subject) Date 작성일자 _____ ____년 (YYYY) / ____월 (/MM) / ____일/(DD)	
Office in Charge of You Graduated Information (Applicant who graduated School in Korea, do not need to fill in.) 학력조회 담당부서명 및 연락처, 이메일 (국내대학 졸업자의 경우 기재하지 않음)	Name of office : Phone : FAX : Email :

귀하가 제공한 개인정보는 학력조회 의뢰 용도로만 사용되며 엄중히 관리됩니다.
The information you provide will be kept in strict confidence and will be used only for the purpose of degree(enrollment) verification. Thank you for your assistance.

